

Tense review – Ôn tập các thì

Present simple – A; Present continuous – B; Past simple – C

Bài 1: Đây là công thức của thì nào. Ghi đáp án đúng A, B, C tương ứng với quy ước.

1. S + do/does + not + V-nguyên thể _____
2. S + am/is/are + V-ing _____
3. Did + S + V-nguyên thể? - Yes, S + did./ No, S + didn't. _____
4. S + V-nguyên thể/V-s/es _____
5. S + am/is/are + not + N/adj/... _____
6. Am/Is/Are + S + V-ing? - Yes, S + am/is/are./ No, S + am not/isn't/aren't. _____
7. S + was/were + N/adj/... _____
8. S + V-ed/V-bất quy tắc _____
9. Was/Were + S + N/adj/ ...? - Yes, S + was/were./ No, S + wasn't/weren't. _____
10. S + am/is/are + not + V-ing _____
11. S + am/is/are + N/adj/... _____
12. S + did + not + V-nguyên thể _____

Bài 1: Đây là dấu hiệu, cách dùng của thì nào? Ghi đáp án đúng A, B, C tương ứng với quy ước.

1. Once a week _____
2. Last week _____
3. Usually/ seldom _____
4. Never _____
5. Now/ right now _____
6. Every Sundays _____
7. At the moment _____
8. Today/ tonight _____
9. Yesterday _____
10. Three months ago _____
11. Last year _____
12. Sometimes/ often _____
13. In 1975 _____
14. Mô tả hành động đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ _____
15. Mô tả thói quen, sự việc lặp đi lặp lại _____
16. Mô tả hành động đang xảy ra ở hiện tại _____
17. Mô tả hành động sắp xảy ra, có dự định từ trước _____
18. Mô tả lịch trình, thời gian biểu _____
19. Mô tả hành động lặp lại gây khó chịu, thường dùng với "always" _____
20. Mô tả sự thật hiển nhiên ở hiện tại _____